

Số: 112/QĐ-MNHH

Quảng Yên, ngày 05 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của trường mầm non Hoa Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại kho bạc quý I năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường mầm non Hoa Hồng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 của Trường Mầm non Hoa Hồng (Theo biểu mẫu số 3- Ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận của trường Mầm non Hoa Hồng và các Phòng, Ban liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Phòng GDĐT; Phòng GD số 8 KBNN khu vực III;
- Lưu :VT, ...



Nguyễn Hiền Hoà

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH - QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 112/QĐ-MNHH ngày 5/4/2025 của Mầm non Hoa Hồng)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Mầm non Hoa Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2025, như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	574	0,00	0%		
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	574	0	0%		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	574		0%		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1	Học phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.151,0	2.221,4	24%	136%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.151,0	2.221,4	24%	136%	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.151,0	2.221,4	24%	141%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.469	2.221,4	26%	141%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	273,0	77,4	28%		
3.3	Kinh phí không thường xuyên (Tiền thưởng)	409,0		0%		

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường mầm non Hoa Hồng

Mã ĐVQHNS: 1105734

Mã cấp NS: 3



Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỔI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	273.000.000	273.000.000	273.000.000	273.000.000	77.400.000	77.400.000	0	0	0	195.600.000
13	071	00000	0	8.469.000.000	8.469.000.000	8.469.000.000	8.469.000.000	2.221.466.608	2.221.466.608	0	0	0	6.247.533.392
18	071	00000	0	409.000.000	409.000.000	409.000.000	409.000.000	0	0	0	0	0	409.000.000
Cộng:				0	9.151.000.000	9.151.000.000	9.151.000.000	2.298.866.608	2.298.866.608	0	0	0	6.852.133.392

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Mạnh Hùng

Người ký: Đinh Tuấn Quân
Ngày ký: 01/04/2025 14:19:04
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 8 - Khoa Bạc Nhà nước Khoa Vực III

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Hòa
Ngày ký: 01/04/2025 08:35:12
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Trường mầm non Hoa Hồng

Người ký: Nguyễn Thị Hòa
Ngày ký: 01/04/2025 08:36:41
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Trường mầm non Hoa Hồng

BẢNG ĐỔI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TÀI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm tính		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Thuê lao động trong nước	12	071	6757	00000	0	0	62.400.000	62.400.000	62.400.000	62.400.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	1.010.320.155	1.010.320.155	1.010.320.155	1.010.320.155
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	17.199.000	17.199.000	17.199.000	17.199.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	358.062.189	358.062.189	358.062.189	358.062.189
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	169.010.823	169.010.823	169.010.823	169.010.823
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	25.092.800	25.092.800	25.092.800	25.092.800
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	215.818.545	215.818.545	215.818.545	215.818.545
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	36.997.464	36.997.464	36.997.464	36.997.464
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	24.543.731	24.543.731	24.543.731	24.543.731
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	12.332.490	12.332.490	12.332.490	12.332.490
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	11.072.939	11.072.939	11.072.939	11.072.939
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	15.334.572	15.334.572	15.334.572	15.334.572
Tiền nhiên liệu	13	071	6503	00000	0	0	150.000	150.000	150.000	150.000
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	720.000	720.000	720.000	720.000

Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	10.443.400	10.443.400	10.443.400	10.443.400
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	1.150.000	1.150.000	1.150.000	1.150.000
Khoản văn phòng phẩm	13	071	6553	00000	0	0	13.200.000	13.200.000	13.200.000	13.200.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	50.178.026	50.178.026	50.178.026	50.178.026
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	071	6601	00000	0	0	152.000	152.000	152.000	152.000
Tuyên truyền, quảng cáo	13	071	6606	00000	0	0	5.445.000	5.445.000	5.445.000	5.445.000
Chi phí khác	13	071	6699	00000	0	0	2.435.120	2.435.120	2.435.120	2.435.120
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
Chi phí thuê mướn khác	13	071	6799	00000	0	0	22.326.640	22.326.640	22.326.640	22.326.640
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	4.630.000	4.630.000	4.630.000	4.630.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	071	6913	00000	0	0	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	26.451.000	26.451.000	26.451.000	26.451.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	96.074.370	96.074.370	96.074.370	96.074.370
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	18.848.844	18.848.844	18.848.844	18.848.844
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	33.327.500	33.327.500	33.327.500	33.327.500
Cộng:					0	0	2.298.866.608	2.298.866.608	2.298.866.608	2.298.866.608
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong tường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Mạnh Hùng

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 01/04/2025 08:39:33
Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch
Đơn vị: Phòng Quản lý chất lượng - Khoa học và Công nghệ

Đinh Tiến Quân

Người ký: Trần Thị Hải
Ngày ký: 01/04/2025 08:32:48
Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch
Đơn vị: Phòng Quản lý chất lượng - Khoa học và Công nghệ

Trần Thị Hải

Người ký: Nguyễn Hiền Hoà
Ngày ký: 01/04/2025 08:38:28
Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch
Đơn vị: Phòng Quản lý chất lượng - Khoa học và Công nghệ

Nguyễn Hiền Hoà